

Giới thiệu đến các em học sinh cùng thầy cô giáo tổng hợp 5 bài văn hay lớp 11: Phân tích hai câu đề và hai câu thực của bài thơ Tự tình II, là tài liệu tham khảo hữu ích giúp các em nghiên cứu, bổ sung để hoàn thiện bài viết của mình tốt hơn.

Dàn ý phân tích hai câu đề và hai câu thực bài Tự Tình II

1. Mở bài

- Giới thiệu Hồ Xuân Hương
- Giới thiệu tác phẩm “Tự tình II” và bốn câu thơ đầu trong bài thơ:

2. Thân bài

- Hai câu thơ đầu mở ra cảm thức về thời gian và tâm trạng của nữ sĩ
- + Cảm thức về thời gian: Thời gian: đêm khuya. Âm hưởng của tiếng trống canh được đặt trong sự dồn dập, gấp gáp “trống canh dồn” cho thấy nữ sĩ cảm nhận sâu sắc bước đi không ngừng và vội vã của thời gian.
- + Cảm thức về tâm trạng: cảm nhận rõ ràng sự bẽ bàng của phận mình. Tác giả đã sử dụng biện pháp đảo ngữ, từ “trơ” được đưa lên đầu câu có tác dụng nhấn mạnh. “trơ” có nghĩa là tủi hổ, là bẽ bàng, cho thấy “bà Chúa thơ Nôm” đã ý thức sâu sắc bi kịch tình duyên của bản thân. Hai chữ “hồng nhan” được đặt cạnh danh từ chỉ đơn vị “cái” gợi lên sự bạc bẽo, bất hạnh của kiếp phụ nữ.
- Bức tranh tâm trạng đã được phóng chiếu rõ ràng hơn thông qua hai câu thơ tiếp theo
- + Cụm từ “say lại tỉnh” gợi lên sự tuần hoàn, luẩn quẩn, bế tắc đầy éo le của kiếp người đầy chua chát.

+ Hình tượng “vàng trắng” xuất hiện chính là ý niệm ẩn dụ cho cuộc đời của nữ sĩ: trạng thái “bóng xế”, sắp tàn nhưng vẫn “khuyết chưa tròn” nhấn mạnh bi kịch của cảm thức về thân phận: tuổi xuân đã trôi qua nhưng nhân duyên mãi mãi là sự dang dở, lỡ dở không trọn vẹn.

→ Bức tranh ngoại cảnh đồng nhất với bức tranh tâm trạng.

3. Kết bài

- Khái quát lại vấn đề nội dung của hai câu đề và hai câu thực

Phân tích hai câu đề và hai câu thực bài Tự Tình 2 - Mẫu 1

Giai đoạn vào giữ thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19 là khoảng thời gian phát triển rực rỡ nhất của văn học trung đại Việt Nam. Thời điểm đó xuất hiện những câu bút rất nổi tiếng và người ta hay nhắc đến nhất là đại thi hào Nguyễn Du với tác phẩm Truyện Kiều, cùng bà chúa thơ Nôm Hồ Xuân Hương. Một trong số những tác phẩm tiêu biểu của nữ sĩ Hồ Xuân Hương đó là bài thơ Tự tình 2. Qua bài thơ, ta mới hiểu tại sao Hồ Xuân Hương lại được mệnh danh là bà chúa thơ Nôm, là nhà thơ của phụ nữ, chuyên viết về phụ nữ.

Hồ Xuân Hương sống vào giai đoạn lịch sử đất nước có nhiều biến động. Quê gốc ở Quỳnh Lưu, Nghệ An, nhưng bà chủ yếu sống ở kinh thành Thăng Long. Cuộc đời của Xuân Hương rất truân chuyên, là con vợ lẽ, bản thân cũng đi làm lẽ cho người ta, rồi sớm góa chồng, thậm chí bà góa chồng tận 2 lần. Bà là người có tài lại có sắc, vừa thông minh vừa bản lĩnh. Về sự nghiệp sáng tác, đến nay chỉ còn lưu lại được 40 bài thơ Nôm, và một số bài thơ chữ Hán chép chung trong tập Lưu Hương ký. Nội dung nổi bật là thể hiện sự cảm thông thương xót đối với thân phận éo le, thiệt thòi của những người phụ nữ trong xã hội xưa. Đồng thời trân trọng, khẳng định, đề cao, ngợi ca vẻ đẹp phẩm chất tâm hồn cùng ngoại hình, thể hiện

cái khát khao được vươn lên trong cuộc sống, được hạnh phúc sâu sắc của người phụ nữ. Về nghệ thuật, bà luôn tìm cách Việt hóa thơ Đường trong các khía cạnh đề tài, hình ảnh, ngôn ngữ.

Tự tình 2 nằm trong chùm thơ Tự tình, với âm điệu gần giống những câu ca dao than thân xưa. Bài thơ được viết theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật nên gồm 4 phần, đề, thực, luận, kết. Nội dung chính là mạch tâm trạng của người phụ nữ khi giải bày tâm tư tình cảm của mình. Trong đó, hai câu đề là nỗi buồn tủi, chán chường số phận, hai câu thực là sự cố gắng trốn chạy, cố quên nhưng lại phải đối mặt với thực cảnh và thực tình của mình để thấm thía hơn.

Hai câu thơ đề đã gợi ra nỗi chán chường, buồn tủi của nhân vật trữ tình bằng việc tái hiện lại bối cảnh thời gian và không gian trong câu khai đề:

"Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn".

Thời gian vào lúc "đêm khuya" khi vạn vật đã chìm vào nghỉ ngơi, con người còn thức đến khuya thì có nghĩa đây là khoảng thời gian để đối diện với chính mình, chìm đắm vào nỗi suy tư, nỗi buồn tẻ, thao thức. Tiếng "trống canh dồn" gợi ra bước đi rất vội vã gấp gáp của thời gian. Từ đó, ta có thể đọc được tâm trạng con người trong bối cảnh thời gian ấy, đang chất chứa nhiều nỗi niềm, đó là sự bất an, lo lắng, rối bời, hoảng hốt. Bút pháp lấy động tả tĩnh trong từ "văng vẳng", cho ta cảm nhận được âm thanh từ rất xa vọng lại, chính tỏ đây là một không gian rộng lớn, tĩnh vắng đến lạ thường. Trong không gian ấy, con người trở nên nhỏ bé, cô đơn, lạc lõng, bơ vơ.

Nỗi niềm buồn tủi chán chường không chỉ được gợi ra trong không gian và thời gian, mà còn được diễn tả một cách rất trực tiếp trong câu thừa đề bằng cách sử dụng những từ ngữ gây ấn tượng mạnh.

"Trơ cái hồng nhan với nước non"

Tác giả nhấn mạnh từ "Trơ" bằng hai biện pháp nghệ thuật kết hợp, đó là nghệ thuật đảo cấu trúc phối hợp với cái nhịp ngắt đầy phá cách 1/3/3. Thông qua đó, tác giả diễn tả nỗi đau và bản lĩnh của Hồ Xuân Hương. "Trơ" có nghĩa là trơ trọi, lạc lõng, tủi hổ, bẽ bàng. "Trơ" cũng còn có nghĩa là trơ lì, chai sạn, ngẩng cao đầu thách thức. Cuối cùng, bà nhấn mạnh khắc sâu hai vế đối lập "cái hồng nhan/nước non", là cá nhân người phụ nữ với xã hội phong kiến rộng lớn. Từ đó, ta thấy rõ hơn cái bi kịch của người phụ nữ trong xã hội xưa, nhỏ bé, yếu đuối thế mà phải đối mặt với cái xã hội to lớn, đầy rẫy bất công, tưởng chẳng thể ngóc đầu lên được. Cụm từ "cái hồng nhan" là một kết hợp từ rất độc đáo, "hồng nhan" vốn là từ Hán Việt mang sắc thái trang trọng, thể hiện sự trân trọng với vẻ đẹp của người phụ nữ thế mà lại kết hợp với từ "cái", một lượng từ thường kết hợp với những từ chỉ đồ vật bé nhỏ, vô tri, vô giác, tầm thường. Gọi ra sự rẻ rúng, coi thường với giá trị của người phụ nữ, thật xót xa, buồn tủi. Hồ Xuân Hương đã cất lên tiếng than cho những thân phận má đào ở xã hội xưa, góp thêm một tiếng nói trong trào lưu nhân đạo của văn học cuối thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19.

Đến hai câu thực đó là nỗi đau thân phận nổi trôi giữa say và tỉnh, dường như Hồ Xuân Hương đã ngồi nhẩn tẩn canh, ngồi một mình trong nỗi cô đơn, để làm bạn với chén rượu cay nồng, để đối mặt với đêm khuya lẻ bóng với vầng trăng lạnh đang soi.

*"Chén rượu hương đưa, say lại tỉnh,
Vầng trăng bóng xế, khuyết chưa tròn"*

Câu thơ chứa đựng biết bao nỗi niềm ngao ngán, nhà thơ uống rượu để cho say, cho quên đi nỗi sầu khổ nhân thế, nhưng trái ngang sao cứ "say lại tỉnh", gọi cái vòng luẩn quẩn, bế tắc, lặp đi lặp lại. Bà muốn say nhưng rượu cũng chẳng khiến

bà say mãi, rồi cũng có lúc phải tỉnh lại. Bà lại phải đối mặt với nỗi cô đơn, với cái nỗi lẻ loi, phải đối diện với đêm khuya mịt mù, thứ mà bà muốn say để trốn tránh. Và khi tỉnh ra rồi lại càng thấm thía hơn cái nỗi cô đơn, trơ trọi mà mình phải gánh chịu.

Câu "Vàng trắng bóng xế khuyết chưa tàn" trước hết là ngoại cảnh, sau cũng tâm cảnh. Bởi nó bộc lộ được cảm xúc của nhà thơ, tạo nên cái sự đồng nhất giữa trăng và người. Ta nhận thấy hình ảnh "Vàng trắng bóng xế" có nghĩa là trăng đêm đã sắp tàn, tuổi xuân đã sắp trôi qua hết, nhưng trái ngang sao vẫn "khuyết chưa tròn", tình duyên của nhà thơ vẫn chưa trọn vẹn, còn lăm lặn đục, truân chuyên nhiều bề.

Hai câu thơ thực mang dáng dấp của một lời than vãn, nghe đâu đây có tiếng thở dài. Nhà thơ như than cho số phận éo le và cũng là than thay cho những người phụ nữ khác có cùng chung cảnh ngộ với bà. Lời than ấy vừa đau đớn, vừa xót xa, như châm kim vào lòng người đọc, một nỗi đau thấu tâm can.

Như vậy chỉ qua hai câu thơ đề và hai câu thơ thực của Tự tình 2 ta đã thấy được phần nào nỗi cô đơn, lẻ loi, nỗi xót xa, đau đớn trước cái số phận nghiệt ngã lăm lặn truân chuyên của Hồ Xuân Hương, đồng thời cũng là của những người phụ nữ thời bấy giờ. Những dòng thơ ngắn ngủi còn cho thấy cái bản lĩnh mạnh mẽ của một người phụ nữ tuy cuộc đời lăm nhiều khê, nhưng vẫn dám thách thức với xã hội, đồng thời còn thể hiện cái tài năng thơ văn tuyệt diệu, thâm sâu của mình.



Phân tích 2 câu đề và 2 câu thực bài Tự Tình 2 - Mẫu 2

Hồ Xuân Hương một nữ sĩ đại tài của văn học Việt Nam, bà được mệnh danh là Bà chúa thơ Nôm. Các vần thơ của bà tập trung nói về người phụ nữ với sự ý thức cao độ về vẻ đẹp hình thức và nhân cách. Nhưng đằng sau những vần thơ ấy còn là nỗi đau thân phận bị rẻ rúng. Nỗi niềm đó được thể hiện trong bài thơ Tự tình II, và điều này được thể hiện rất rõ qua hai câu đề và 2 câu thực của bài thơ.

Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn

Tơ cái hồng nhan với nước non.

Chén rượu đưa hương say lại tỉnh

Vàng trắng bóng xế khuyết chưa tròn.

Trước hết thân phận người phụ nữ trong bài thơ được thể hiện đầy cay đắng xót xa, họ ý thức về thân phận mình, ý thức về tuổi thanh xuân trôi nhanh mà hạnh phúc lứa đôi chưa được trọn vẹn:

*Đêm khuya vắng vắng trống canh dồn,
Trơ cái hồng nhan với nước non.*

Câu phá đề mở ra thời gian và không gian nghệ thuật rất đặc biệt: đêm đã về khuya, không gian quá mênh mông và vắng lặng. Chính là nhờ tính từ “vắng vắng” được nữ sĩ dùng vừa tự nhiên, vừa rất tinh tế mà ta nhận ra cùng một lúc không gian mênh mông (tiếng trống cầm canh từ xa xôi theo gió “vắng” tới, vọng tới; và không gian vắng lặng (bút pháp lấy động tả tĩnh quen thuộc của thi pháp cổ điển). Đã có hai trong tổng số ba bài thơ Tự tình nhà thơ chọn thời gian và không gian nghệ thuật giống nhau đặt ở câu phá đề. Cách cảm nhận bước đi của thời gian qua tiếng trống điểm canh và tiếng gà gáy là cách cảm nhận rất Á Đông. Đó là thời gian tâm lí, thấm đẫm chất trữ tình. Đêm khuya là lúc vạn vật chìm trong giấc ngủ, mọi hoạt động ban ngày dừng lại, đó cũng là lúc tâm tư sâu lắng nhất. Người đang thao thức, suy tư trong đêm khuya lại là một phụ nữ. Đó cũng là điều bất thường. người phụ nữ được đặt trong một không gian mênh mông vắng lặng, giữa đêm hôm khuya khoát chắc là đầy ắp nỗi niềm không biết ngỏ cùng ai, chẳng coái bên cạnh để mà sẻ chia, thấu hiểu. Nàng hoàn toàn trơ trọi, lẻ loi, cô độc. Thời gian nghệ thuật thể hiện sự tự cảm thấy của con người trong thế giới. Cảm thức thời gian luôn gắn liền với ý thức về “cái tôi”. Ý thức về “cái tôi” càng trưởng thành, càng sâu sắc thì cảm thức về thời gian trôi chảy càng mãnh liệt. Đã đành thời gian khách quan là vô thủy vô chung. Nhưng thời gian chủ quan của một đời người là hữu hạn. Tuổi xuân của người phụ nữ lại càng ngắn ngủi, cho nên thời gian trong cảm thức cá nhân gắn liền với sự tàn phai và có sức hủy diệt ghê gớm. Cái tiếng “trống canh dồn” kia cũng là một thứ âm thanh tâm lí, nó như “dồn” nén lòng người, nhất là lòng người phụ nữ cô đơn, niềm phẫn uất, nỗi hoang mang, lo sợ.

Cái đáng sợ nhất là cảm thức về sự trôi chảy của thời gian luôn luôn ở thế nghịch đối với niềm vui, nỗi buồn, hạnh phúc và khổ đau của con người. khi vui sướng,

hanh phúc thì có cảm giác “ngày vui ngắn chẳng tày gang” (Nguyễn Du), khi sâu thương, đau khổ thì thời gian bò như ốc, như sên. Trong thời gian và không gian ấy, với Hồ Xuân Hương, chỉ còn lại cái vô duyên, bẽ bàng:

Tơ/ cái hồng nhan/ với nước non.

Trong phép đảo ngữ, nữ sĩ đã đặt từ “tơ” lên đầu câu thơ gây một ấn tượng mạnh mẽ. Từ “tơ” đứng riêng ra, ăn hẳn một nhịp vừa nói được thể lẻ loi, tơ trời lại vừa nói đến sự vô duyên (tơ ra). Từ “tơ” còn hàm chứa nhiều ngữ nghĩa hơn thế: “tơ” có nghĩa là túi hồ: “Đuốc hoa để đó, mặc nàng nằm tơ” (Nguyễn Du, Truyện Kiều); “tơ” cũng hàm ý mỉa mai cay đắng, xót xa khi đi với tổ hợp từ “cái hồng nhan”, thì ra “hồng nhan” đi với “bạc phận”, từ “hồng nhan” bị bỏ rơi, chẳng ai đoái hoài đến, đang “tơ” ra với “nước non” (không gian), với thời gian vô thủy vô chung. Càng nghĩ càng thấy phần uất, đắng đót, ngậm ngùi. Đời Hồ Xuân Hương sao chẳng thể vui với nước non, mà chỉ thấy “Bảy nổi ba chìm với nước non”, chỉ thấy “Tơ cái hồng nhan với nước non”? Nghĩa là Hồ Xuân Hương đau khổ những vẫn vững vàng bản lĩnh như “Đá vẫn tơ gan cùng tuế nguyệt” (Bà huyện Thanh Quan, Thăng Long thành hoài cổ).

Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,

Vàng trắng bóng xế khuyết chưa tròn

Tên của bài thơ là Tự tình cho nên câu thực đầu tiên thể hiện tình thực của Hồ Xuân Hương. Trong cô đơn giữa đêm khuya vắng lặng, người phụ nữ ấy đã phải mượn đến chén rượu giải sầu đã là chuyện đầy vui của nỗi niềm, tâm trạng. Người phụ nữ đến chén rượu độc ẩm đêm khuya mới là việc cực chẳng đã. Uống rượu mà như uống sầu uống tủi, như nuốt thắm giọt đắng giọt cay. “Say”, có thể lãng quên giây lát nỗi sầu thương. Nhưng “say” rồi sẽ lại “tỉnh”, và lúc ấy mới thật là buồn: “Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh- Giật mình, mình lại thương mình xót xa” (Nguyễn

Du, Truyện Kiều). Cụm từ “say lại tỉnh” gợi lên cái vòng luẩn quẩn, bế tắc trong tâm trạng, trong tình cảnh của Hồ Xuân Hương.

Đêm đã tàn canh. Vàng trắng lạnh đã “bóng xế” non đoài. Người còn ngồi đó trong tình trạng “say lại tỉnh”, đúng là “Trơ cái hồng nhan với nước non”. Hai câu thực đã triển khai ý chủ đạo được mở ra hai câu đề. Thực cảnh cũng là thực tình. Hình tượng “Vàng trắng bóng xế khuyết chưa tròn” đang đồng nhất với thân phận của nữ sĩ. Hình tượng thơ hết sức gợi: tuổi xuân của người phụ nữ trôi mau như “vàng trắng bóng xế” mà nhân duyên không trọn vẹn như vàng trắng chưa bao giờ là trắng rằm tròn đầy, tỏa sáng.

Qua phân tích hai câu đề và hai câu thực bài Tự Tình chúng ta đã hiểu được phần nào nỗi cô đơn, lẻ loi, nỗi xót xa, đau đớn trước cái số phận nghiệt ngã lăm trườn chuyên của Hồ Xuân Hương, đồng thời cũng là của những người phụ nữ thời bấy giờ.

Tham khảo thêm:

- [Top 4 bài phân tích 2 câu luận và 2 câu kết bài Tự tình II chọn lọc hay nhất](#)
- [Phân tích hình ảnh người phụ nữ qua hai bài thơ Tự tình và Thương vợ](#)

Phân tích hai câu đề và hai câu thực bài Tự Tình II - Mẫu 3

Từ xưa đến nay ta không thể phủ nhận vai trò, tầm quan trọng to lớn của người phụ nữ đối với xã hội và với cuộc sống. Họ không chỉ là những người hiền thực, đảm đang mà còn là những con người tài hoa, bản lĩnh. Nổi bật cho hình ảnh người phụ nữ Việt Nam xưa cá tính, mạnh mẽ chúng ta không thể không nhắc đến nhà thơ Hồ Xuân Hương. Nổi bật trong thơ bà là bài thơ Tự tình 2 nằm trong chùm thơ Tự tình. Hai câu thơ đầu đã khắc họa khung cảnh đêm khuya để làm nổi bật lên cảm xúc của nhà thơ.

"Đêm khuya vắng vắng trống canh dồn".

Thời gian đêm khuya, vắng vẻ, tĩnh lặng. Không gian chỉ có tiếng trống dồn canh, nữ thi sĩ lẻ loi, đơn chiếc một mình. Âm thanh “vắng vắng” tiếng trống lấy động tả tĩnh nhằm nhấn mạnh sự tĩnh lặng của đêm khuya. Tất cả thời gian, không gian, âm thanh và cảnh vật đều góp phần diễn tả nỗi lòng, tâm tư, tình cảm, những sâu não của nhân vật trữ tình. Trong đêm khuya thanh vắng, khi tất cả con người và cảnh vật vào trạng thái nghỉ ngơi, thư giãn thì vẫn còn có một người ngồi đó im lặng trong đêm.

Hình ảnh nhân vật trữ tình trong đêm khuya thanh vắng được khắc họa rõ nét thông qua câu thơ:

“Trơ cái hồng nhan với nước non”

“Trơ” từ tượng hình mạnh mẽ diễn tả nỗi cô đơn, lẻ bóng pha chút cay đắng của người phụ nữ lẻ loi trong chính tình cảm của mình với một trái tim khao khát yêu thương. Dù ý thức được vẻ đẹp của bản thân mình nhưng bà vẫn không tìm được cách nào để trở lại với những định kiến, những gian truân của cuộc đời mình.

Để giải tỏa tinh thần, nữ thi sĩ đã tìm đến rượu, chỉ có rượu mới giúp được con người:

*Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,
Vàng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.*

Say lại tỉnh diễn tả trong nỗi buồn, nỗi cô đơn ấy người phụ nữ đã tìm đến chén rượu để giải sầu nhưng rượu không những không làm cho bà say mà còn khiến cho bà thêm tỉnh táo hơn, sự bất hạnh của cuộc đời lại hiện ra rõ nét hơn. Những lúc

say là những lúc quên đi được nỗi bất hạnh, nhưng càng muốn quên lại càng nhớ, càng muốn say lại càng tỉnh. Những khó khăn vẫn cứ bủa vây, bám lấy người con gái ấy. Trong câu thơ “Vàng trắng bóng xế khuyết chưa tròn”, tác giả đã mượn hình ảnh ánh trăng để nói về chuyện tình cảm còn dang dở, chưa được trọn vẹn của mình. Con người chơi vơi giữa một thế giới mênh mông hoang vắng, bất lực trước nỗi cô đơn trợ trợ của chính mình. Trăng đã xế như tuổi đã luống mà chưa bao giờ có được hạnh phúc trọn vẹn. Hai hình ảnh gợi hai lần đau xót của thân phận người phụ nữ.

Bốn câu thơ nói riêng và bài thơ nói chung đã góp phần làm nên thành công cho tên tuổi của nhà thơ Hồ Xuân Hương cũng như mang cuộc đời, mang số phận của bà đến gần hơn với nhiều kiếp người khác. Cuộc sống luôn có những khó khăn, đau khổ, chúng ta hãy không ngừng nỗ lực, vươn lên để làm chủ chính mình, làm chủ cuộc sống để thấy cuộc đời này ý nghĩa hơn.



Phân tích 2 câu đề và 2 câu thực bài Tự Tình II - Mẫu 4

Trong xã hội phong kiến xưa, số phận người phụ nữ luôn là tấm gương oan khổ của những éo le, bất công. Sống trong xã hội với quan điểm “trọng nam khinh nữ”, có những người trầm lặng cam chịu, nhưng cũng có những người ý thức sâu sắc được bi kịch bản thân, cất lên tiếng nói phản kháng mạnh mẽ. Nữ sĩ Hồ Xuân Hương là một trong những người phụ nữ làm được điều đó. Bài thơ “Tự tình II” nằm trong chùm thơ bao gồm ba bài là tác phẩm thể hiện rõ điều này. Bốn câu thơ đầu trong bài thơ đã làm nổi bật hoàn cảnh cũng như tâm trạng vừa buồn tủi, vừa phần uất muốn vượt lên trên số phận của nữ sĩ:

“Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn

Trơ cái hồng nhan với nước non

Chén rượu hương đưa say lại tỉnh

Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn”.

Tâm trạng của tác giả đã được gọi lên trong đêm khuya, và cảm thức về thời gian đã được tô đậm, nhấn mạnh để làm nền cho cảm thức tâm trạng:

Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn,

Trơ cái hồng nhan với nước non.

Thời gian lúc nửa đêm nên không gian thật vắng lặng, tịch mịch, chỉ nghe tiếng trống cầm canh từ xa vẳng lại, vạn vật đã chìm sâu trong giấc ngủ, chỉ có nhà thơ còn trần trở thao thức với tâm sự riêng tây.

Đã nghe văng vẳng thì không thể có tiếng trống thúc dồn dập được. Âm thanh tiếng trống trở thành âm vang của cõi lòng nôn nao, bồn chồn. (Mở thăm không

khua mà cũng cóc/ Chuông sầu chẳng đánh có sao om). Bao sức sống dồn nén trong chữ dồn ấy như chực trào ra.

Lẻ loi trước thời gian đêm khuya và bề bàng trước không gian non nước nên cái hồng nhan trơ ra. Cách dùng từ sáng tạo và đầy bất ngờ: hồng nhan là một vẻ đẹp thanh quý mà dùng từ cái tâm thường để gọi thì thật là rẻ rúng, đầy mỉa mai chua xót. Trơ là một nội động từ chỉ trạng thái bất động, hàm nghĩa đơn độc, chai sạn trước nắng gió cuộc đời. Biện pháp đảo ngữ trơ cái hồng nhan đã nhấn mạnh nỗi đơn độc, trơ trọi, bề bàng của thân phận. Câu thơ chứa đựng nỗi đau của kiếp hồng nhan. Đặt cái hồng nhan trong mối tương quan với nước non quả là táo bạo, thách thức, cho thấy tính cách mạnh mẽ của nữ thi sĩ, khao khát bứt phá khỏi cái lồng chật hẹp của cuộc đời người phụ nữ phong kiến.

Hai câu thực nói rõ hơn tâm trạng của nhà thơ:

Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,

Vàng trắng bóng xê khuyết chưa tròn.

Hai câu thơ có hai hình ảnh ẩn dụ. Hương rượu như hương tình, lúc lên men dậy sóng nhưng cũng chóng nhạt phai nên cuộc đời chao đảo, ngả nghiêng. Thật là trớ trêu cho con tạo. Cái ngọt ngào nồng nàn chỉ thoáng qua còn lại là dư vị chua chát, đắng cay. Say rồi lại tỉnh gợi cái vòng luân quần, dờ dang. Còn vàng trắng khuya càng thêm chơ vơ, lạnh lẽo. Trắng đã xê như tuổi đã luống mà chưa bao giờ có được hạnh phúc trọn vẹn. Hai hình ảnh gợi hai lần đau xót. Vàng trắng của Thúy Kiều (Truyện Kiều - Nguyễn Du) là vàng trắng vỡ, còn của Xuân Hương mãi mãi là vàng trắng khuyết.

Như vậy, thông qua cách sử dụng ngôn ngữ giàu giá trị biểu đạt kết hợp với những biện pháp tu từ như đảo ngữ, cùng những sáng tạo trong việc xây dựng hình tượng,

bốn câu thơ đầu của bài thơ “Tự tình II” đã làm nổi bật cảm thức về thời gian, cho thấy tâm trạng buồn tủi cũng như ý thức sâu sắc về bi kịch duyên phận đầy éo le, ngang trái của nữ sĩ Hồ Xuân Hương. Chính những yếu tố trên đã giúp bà trở thành “Bà Chúa thơ Nôm”, đồng thời cũng là nhà thơ phụ nữ viết về phụ nữ với tiếng nói cảm thương và tiếng nói tự ý thức đầy bản lĩnh.

Phân tích hai câu đề và hai câu thực bài Tự Tình II - Mẫu 5

Hồ Xuân Hương là một trong những nữ thi sĩ xuất sắc của Việt Nam, số lượng tác phẩm bà để lại khá nhiều và phong cách sáng tác thơ chủ yếu của Hồ Xuân Hương chính là tả cảnh ngụ tình. Bà còn được biết đến với hình ảnh của một nữ nhà thơ viết nhiều về thân phận người phụ nữ, là người dũng cảm đề cao vẻ đẹp, sự hi sinh và đức hạnh của người phụ nữ, đồng thời lên tiếng bên vực cho họ và phê phán lên án gay gắt chế độ xã hội cũ. Tự tình là một trong những bài thơ hay, chứa đựng nhiều cung bậc cảm xúc của chính tác giả và cũng là của người phụ nữ nói chung.

Bài thơ Tự tình mở đầu với 2 câu thơ vừa tả cảnh nhưng cũng tả hình ảnh của một người phụ nữ - hay có thể gọi là hồng nhan. Nhưng tiếc thay, hồng nhan đó lại rơi vào hoàn cảnh cô đơn trống vắng, giữa đêm khuya u tịch.

“Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn

Trơ cái hồng nhan với nước non”

Những cơn sóng cảm xúc đang cuộn xoáy trong lòng khiến nữ sĩ suy tư trăn trở, thao thức thâu đêm. Tiếng trống cầm canh lâu lâu lại điểm, báo thời gian đang trôi qua. Bước chân của đêm tối mới nặng nề càng làm in sâu nỗi đau đời âm ỉ, dai dẳng thiêu đốt tâm can nữ sĩ bấy lâu nay bật thốt thành lời chua chát, đắng cay. Hồng nhan là gương mặt đẹp, thường được dùng để chỉ phụ nữ nói chung và những người con gái đẹp nói riêng. Là một người phụ nữ có nhan sắc, nhưng lại

được miêu tả “trơ với nước non”. Trước cuộc đời rộng lớn, người phụ nữ đó nhận ra thân phận của mình lẻ loi đơn chiếc, và âm thanh của trống cầm canh lại càng điềm thêm một nỗi buồn, trống vắng khó tả. Người phụ nữ ấy đã tìm đến rượu để giải sầu:

Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,

Vàng trắng bóng xế khuyết chưa tròn.

Những tưởng như nỗi bất hạnh đã khiến tâm hồn hoá thành gỗ đá nhưng không phải. Trái tim còn đập nên ý thức vẫn còn, nữ sĩ đành say cho quên vậy. Mỗi khi có chuyện gì đó sầu muộn, người xưa thường tìm đến trăng đến rượu để ngỏ cùng bầu tâm sự. Chỉ muốn uống thật say, hương rượu thật nồng để quên đi tất cả, nhưng nghịch lí thay, chén rượu đưa lên mũi, hương nồng vào mũi nhưng người muốn say nhưng tâm và suy nghĩ vẫn đang rất tỉnh. Không có nỗi buồn nào biến mất ở đây, mà càng làm hiện hữu rõ nỗi lòng của người phụ nữ lúc này. Hình ảnh vàng trắng xuất hiện nhưng khuyết chưa tròn. Phải chăng, ngụ ý cho thân phận cho hạnh phúc của chính tác giả. Là người tài giỏi nhưng duyên phận hẩm hiu chưa một lần trọn vẹn. Tuổi xuân dần đi qua mà hạnh phúc vẫn chưa tới bến đỗ.

Tỉnh thì đau khổ nhưng mình vẫn còn được là mình không đến nỗi tuyệt vọng. Lời dạy của trời đất sâu kín mà rành rành trước mắt, ngụ ở ngay trong rêu đá. Hình ảnh rêu được đưa ra đây nhưng mang những dụ ý sâu xa của tác giả Hồ Xuân Hương, rêu là loài mỏng manh nhỏ bé nhưng lại có sức sống vô cùng mạnh mẽ, không dừng lại đó, ở bất cứ một điều kiện nào thì nó vẫn có thể tươi tốt, dù là điều kiện sống như thế nào đi chăng nữa. Hình ảnh rêu từng đám đám xuyên ngang mặt đất gọi ra cho chúng ta những liên tưởng mạnh mẽ về sự phản kháng mạnh mẽ cũng như sự chống đối của nó với thứ có thể mạnh hơn nó. Hình ảnh đá cũng vậy, đối lập với sự nhỏ bé của những viên đá với sự rộng lớn của trời đất, nó lại càng làm

nổi bật sức mạnh của những viên đá, quả thực nó không tầm thường một tí nào. Sự đồng điệu của người và thiên nhiên, luôn đối mặt với khó khăn thách thức nhưng chưa bao giờ đi đến thành công. Kiếp làm vợ lẽ, dù cố thoát ra nhưng vẫn không được.

Tự tình là một bài thơ tiêu biểu cho hồn thơ và phong cách cũng như tư tưởng của Hồ Xuân Hương đặc biệt là những vấn đề xoay quanh người phụ nữ. Bài thơ trĩu nặng một nỗi buồn nhưng không hề bi lụy bởi nổi bật lên trên hết là cốt cách cứng cỏi, tâm hồn nhạy cảm và mạnh mẽ đã giúp nữ sĩ vượt qua bao bất hạnh của cuộc đời. Bài thơ vừa là tiếng lòng riêng của nữ sĩ, vừa là tiếng lòng chung của người phụ nữ trong xã hội phong kiến thuở ấy. Qua đây chúng ta cũng thấy được một Hồ Xuân Hương vừa yếu mềm nhưng cũng thật ngang tàng mạnh mẽ khi dám bộc lộ những suy nghĩ của chính mình.

Trên đây là tổng hợp những mẫu phân tích hai câu đề và hai câu thực của bài thơ Tự tình II hay và sâu sắc nhất mà chúng tôi đã sưu tầm để gửi đến các bạn, hy vọng các bạn sẽ có thêm cho mình những ý tưởng, cách phân tích hay để đạt điểm tối đa trong các kỳ thi. Trân trọng!



Tham khảo thêm:

- [Những bài văn mẫu: Phân tích bài Tự tình 2 lớp 11 hay nhất](#)
- [Soạn bài Tự tình Ngũ Văn lớp 11 \(Ngắn gọn\)](#)